

Số: 54 /QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Công khai cam kết chất lượng giáo dục và
chất lượng giáo dục thực tế.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai Cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục của Trường THPT Lê Thánh Tôn năm học 2023-2024

Hình thức công khai: Đăng tải trên Website của nhà trường.

Thời gian công khai: Năm học 2023-2024

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị, bộ phận tài vụ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Hoàng

Biểu mẫu 09

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển	Học bạ lớp 10 được lên lớp 11	Học bạ lớp 11 được lên lớp 12
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	Họp CMHS toàn trường 3 lần /năm, trao đổi giữa CMHS với GVCN hàng tuần, với Giám thị và GV bộ môn theo vụ việc.	Họp CMHS toàn trường 3 lần /năm, trao đổi giữa CMHS với GVCN hàng tuần, với Giám thị và GV bộ môn theo vụ việc.	Họp CMHS toàn trường 3 lần /năm, trao đổi giữa CMHS với GVCN hàng tuần, với Giám thị và GV bộ môn theo vụ việc.
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Có ý thức tự học và tinh thần học hỏi.	Có ý thức tự học và tinh thần học hỏi.	Có ý thức tự học và tinh thần học hỏi.
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đầy đủ theo chuẩn (Biểu 10)	Đầy đủ theo chuẩn (Biểu 10)	Đầy đủ theo chuẩn (Biểu 10)
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của	Hoạt động Đoàn, phong trào Văn – Thể – Mỹ,	Hoạt động Đoàn, phong trào Văn – Thể – Mỹ,	Hoạt động Đoàn, phong trào Văn – Thể

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	học sinh ở cơ sở giáo dục	hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hoạt động của các câu lạc bộ học thuật và kỹ năng trong nhà trường.	hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hoạt động của các câu lạc bộ học thuật và kỹ năng trong nhà trường.	– Mỹ, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hoạt động của các câu lạc bộ học thuật và kỹ năng trong nhà trường.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Trình độ chuyên môn đạt và trên chuẩn; Tận tâm trách nhiệm trong công việc giảng dạy và giáo dục học sinh. thủ trưởng lãnh đạo, tập thể và cá nhân tổ chức thực hiện (Biểu 8)	Trình độ chuyên môn đạt và trên chuẩn; Tận tâm trách nhiệm trong công việc giảng dạy và giáo dục học sinh. thủ trưởng lãnh đạo, tập thể và cá nhân tổ chức thực hiện (Biểu 8)	Trình độ chuyên môn đạt và trên chuẩn; Tận tâm trách nhiệm trong công việc giảng dạy và giáo dục học sinh. thủ trưởng lãnh đạo, tập thể và cá nhân tổ chức thực hiện (Biểu 8)
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đạo đức tốt, học tập khá, sức khỏe tốt (Biểu 9)	Đạo đức tốt, học tập khá, sức khỏe tốt (Biểu 9)	Đạo đức tốt, học tập khá, sức khỏe tốt (Biểu 9)
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	khá	Trên mức khá	Trên mức khá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023



Hiệu trưởng

Phan Hoàng

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1712	584	587	541
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1571 92.24%	570 97.6%	491 83.7%	510 94.3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	107 6.29%	11 1.88%	68 11.58%	28 5.18%
3	Trung bình/ đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 0.77%	00 0,0%	13 2.21%	00 0.0%
4	Yếu/ chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 0.70%	00 0,0%	12 2.04%	00 0.0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1712	584	587	541
1	Giỏi/ Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	428 25.13%	188 32.19%	101 17.21%	139 25.69%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	997 58.54%	329 56.34%	340 57.92%	328 60.63%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	262 15.38%	63 10.79%	129 21.98%	70 12.94%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 0.65%	00 0.00%	11 1.87%	0 0.0%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Kém/chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00 00%	00 0,0%	1 0.17%	00 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1712	584	587	541
1	Lên lớp thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	1601 99.29%	584 98.7%	575 97.95%	541 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	17 2.91%	17 2.91%	00 00.00%	00 00.00%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	411 24.00%	171 29.28%	101 17.21%	139 25.69%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	668 54.39%	00 0.0%	340 57.92%	328 60.63%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 0.64%	00 0.0%	11 0.98%	0 0%
3	Lưu ban thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,05%	01 0.19%	00 0%	00 0%
4	Chuyển trường đến	22	07	13	02
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	14 0.817%	06 0.35%	7 0.40%	01 0.05%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
IV	<u>Số học sinh</u> đạt giải các kỳ thi	11	00	00	19

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	19	00	00	19
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	0	00	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	537	/	/	537
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	537 100%	/	/	537 100%
VII	Số học sinh đỗ đại học, cao đẳng từ 18 điểm trở lên (tỷ lệ so với tổng số)	537 100%	/	/	537 100%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		276/308	278/309	260/281
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	45	11	20	11

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023



Hiệu trưởng

Phan Hường

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố	/	
3	Phòng học tạm	/	
4	Phòng học nhờ	/	
5	Số phòng học bộ môn	07	01 phòng /1 môn.
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	30	
7	Bình quân lớp/phòng học	1.3	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	6084.4m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3630.89 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	10738m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1392m ²	59m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	516m ²	96m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	96m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng	/	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	(Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	1453m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	116	
2	Khối lớp 11	113	
3	Khối lớp 12	78	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	33	0,846
2	Cát xét	10	0,256
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	0.102
5	Bảng tương tác	2	
..			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	96	
XI	Nhà ăn	24	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	---	--------	----------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	812	406	2 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	36	17/19	262	0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Hiệu Trưởng

Phan Hương



Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ
QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	95	86	9							
I	Giáo viên	81	81			18	59				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	12	12			2	10				
2	Lý	6	6			2	4				
3	Hóa	8	8			4	4				
4	Sinh	4	4			2	2				
5	Sử	4	4			/	4				
6	Địa	4	4			/	4				



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
7	Văn	9	9			6	3				
8	Tin học	5	5			1	4				
9	GDCD	4	4			2	2				
10	TD-GDQP	8	8			2	6				
11	Anh văn	10	10			3	7				
13	Công nghệ	4	3			/	4				
II	Cán bộ quản lý	4	4			2	1				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	3	3			3	0				
III	Nhân viên	13	4	9			4	1	2	6	
1	Nhân viên văn thư	Nhân viên công nghệ thông tin kiêm văn thư									
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ	Giáo viên kiêm nhiệm Thủ quỹ									
4	Giám thị	1		1		/	1				
5	Nhân viên y tế	1		1				1			
6	Nhân viên thư viện	1	1				1				

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	812	406	2 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	36	17/19	262	0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Hiệu Trưởng

Phan Hường

